

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về Đề án cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 30/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 77/TTr-SGTVT ngày 13/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật lại thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tổ chức niêm yết và giải quyết các thủ tục hành chính đã được phê duyệt theo đúng Danh mục của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, CNXD, CBTH;
- Lưu: VT, KSTTHC(Thu).

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng



DANH MỤC

thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi theo Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết được rút ngắn	Số ngày rút ngắn	Ghi chú
I. Lĩnh vực đường bộ					
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
3	Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị mất	30 ngày làm việc	10 ngày làm việc	20 ngày làm việc	
4	Cấp mới Giấy phép lái xe	10 ngày làm việc	- 01 ngày sau khi trúng tuyển kỳ sát hạch đối với cấp mới Giấy phép lái xe ô tô. - 04 ngày sau khi trúng tuyển kỳ sát hạch đối với cấp mới Giấy phép lái xe mô tô.	- 09 ngày sau khi trúng tuyển kỳ sát hạch đối với cấp mới Giấy phép lái xe ô tô. - 06 ngày sau khi trúng tuyển kỳ sát hạch đối với cấp	

				mới Giấy phép lái xe mô tô.	
5	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
6	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
7	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
8	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc	

II. Lĩnh vực đường thủy nội địa

1	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu khách cao tốc	07 ngày làm việc	04 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
---	---	------------------	------------------	------------------	--

III. Thẩm định dự án, thiết kế, dự toán

1	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh	Đối với thẩm định thiết kế cơ sở: + 20 ngày đối với dự án nhóm B. + 15 ngày đối với dự án nhóm C.	15 ngày đối với dự án nhóm B và 10 ngày đối với dự án nhóm C.	05 ngày	
2	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh	Đối với thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công: + 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III. + 20 ngày đối với các công trình còn lại.	25 ngày đối với công trình cấp II và cấp III và 15 ngày đối với các công trình còn lại.	05 ngày	